TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8 - PHÚ THỌ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2026/DS-ST
Ngày 24 - 7 - 2026
"V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - PHÚ THỌ

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Minh Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Bích Thuần và ông Trần Văn Huấn

Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Phương Thao - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 8 - Phú Thọ

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 8 - Phú Thọ tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thị Văn - Kiểm sát viên

Ngày 24 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân Khu vực 8 - Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 188/2026/TLST-DS ngày 09 tháng 6 năm 2026, về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản",* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2026/QĐXXST-DS ngày 07/7/2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Trương Đại T, sinh năm 1956, địa chỉ: Tổ dân phố T, phường X, tỉnh Phú Thọ. CCCD số 026056005136, có mặt.

- Bị đơn: Ông Trần Văn V, sinh năm 1986, địa chỉ: Thôn L, xã B, tỉnh Phú Thọ. CCCD số 026086003037, có mặt.

- Người làm chứng: Bà Trần Thị L, sinh năm 1960; địa chỉ: Thôn B, xã B, tỉnh Phú Thọ, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng, nguyên đơn ông Trương Đại T trình bày: Ông có quan hệ quen biết với bà Trần Thị L (là chị gái ruột của ông Trần Văn V), thông qua bà L ông có quen biết với ông Nguyễn Văn V. Vào ngày 05/6/2017 âm lịch ông V có hỏi vay ông tiền để trả nợ nên ông đã đồng ý cho ông V vay số tiền 12.000.000đồng. Khi vay 2 bên có viết giấy vay tiền tại nhà của bà L, giấy vay tiền do bà L viết, ông V ký tên người vay và bà L ký tên người làm chứng. Sau khi viết giấy vay tiền, ông đã đưa 12.000.000đồng cho ông V nhận ngay trước mặt bà L. Theo thoả thuận thì ông V phải hoàn trả cho ông toàn bộ số tiền trên trong thời gian 05 tháng kể từ ngày vay. Nhưng hết thời gian thoả thuận đến nay, nhiều lần ông đòi nợ ông V nhưng ông V không trả. Đến khoảng tháng 5/2018 do ông V không chịu trả nợ nên ông đã yêu cầu ông V phải chịu tiền lãi trên số tiền nợ gốc với lãi suất là 5%/tháng (tương đương 600.000đồng/tháng), ông V nhất trí, việc thỏa thuận trả lãi được hai bên thoả thuận bằng lời nói, không có văn bản hay giấy

tờ gì. Sau đó ông V đã trả được cho ông 3 tháng tiền lãi với tổng số tiền là 1.800.000đồng, trả bằng tiền mặt, ngoài ra ông V không trả được thêm bất kỳ khoản tiền nào khác. Số tiền 12.000.000đồng mà ông cho ông V vay là tiền riêng của cá nhân ông, không liên quan gì đến vợ ông (bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1951, địa chỉ tại TDP T, phường X, tỉnh Phú Thọ), cho đến nay vợ ông cũng không biết, không liên quan đến khoản tiền này. Khoản tiền này ông cho ông V vay riêng, không liên quan đến vợ ông V. Nay ông yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Trần Văn V trả cho ông toàn bộ số tiền đã vay là 12.000.000đồng đã vay theo Giấy vay tiền ngày 05/6/2017 âm lịch.

Bị đơn ông Trần Văn V trình bày: Giữa ông và ông Trương Đại T có quan hệ quen biết nhau từ trước năm 2017 thông qua chị gái ông là bà Trần Thị L, (bà L có quen biết với ông T sau đó giới thiệu cho ông). Ngày 05/6/2017 âm lịch ông có vay của ông Trương Đại T số tiền 12.000.000đồng để làm ăn riêng, không liên quan đến vợ ông (chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1986, địa chỉ tại thôn L, xã B, tỉnh Phú Thọ), cho đến nay chị H cũng không biết, không liên quan đến khoản vay của ông đối với ông T. Khi vay hai bên có viết Giấy vay tiền ngày 05/6/2017 (âm lịch) có chữ ký của bên vay là ông V, có bà L chứng kiến. Nội dung giấy vay tiền thể hiện ông vay của ông T số tiền 12.000.000đồng, không thỏa thuận vay trong thời gian bao lâu, không có nội dung về việc trả lãi. Tuy nhiên hai bên có thỏa thuận ngoài bằng lời nói với nhau là ông phải trả lãi hàng tháng cho ông T với mức lãi suất 4.000đồng/1triệu/ngày, tương ứng 1.440.000đồng/tháng. Sau khi hai bên làm giấy vay tiền, ông T đã đưa cho ông số tiền 12.000.000đồng, ông đã nhận đủ 12.000.000đồng từ ông T. Hàng tháng ông trả lãi cho ông T trong khoảng thời gian gần hai năm, trong đó có thời gian trả theo từng tháng, có thời gian 2-3 tháng trả một lần. Số tiền lãi ông đã trả cho ông T ông không nhớ cụ thể, chỉ nhớ là khoảng 14.000.000đồng đến 15.000.000đồng. Sau khoảng hai năm, số tiền lãi mà ông đã trả cho ông T đã nhiều và do điều kiện kinh tế khó khăn nên ông không trả thêm cho ông T được khoản tiền nào. Những lần trả lãi, ông trả tiền mặt cho ông T, không trả qua tài khoản, khi trả lãi không có giấy tờ về việc giao nhận tiền lãi. Việc vay tiền giữa hai bên không có thế chấp tài sản gì. Từ đó đến nay có một vài lần ông T đến gặp trực tiếp ông hoặc gọi điện cho ông yêu cầu ông trả tiền. Những lần đầu ông T yêu cầu ông trả cả tiền gốc và tiền lãi nhưng sau đó thấy ông khó khăn nên ông T chỉ yêu cầu ông trả số tiền gốc 12.000.000đồng. Bà L có nhắc nhở ông thu xếp trả nợ ông T cho xong khoản nợ nhưng ông không trả được do công việc khó khăn, thu nhập không đủ chi tiêu. Lần gần đây nhất bà L nhắc ông trả nợ cho ông T là cách đây khoảng một năm.

Nay ông T khởi kiện yêu cầu ông trả số tiền là 12.000.000đồng. Quan điểm của ông là xác nhận còn nợ ông T số tiền là 12.000.000đồng, ông đồng ý trả cho ông T số tiền 12.000.000đồng, tuy nhiên do công việc của ông là làm sơn thuê, thu nhập thấp, vì vậy ông xin được trả nợ dần, mỗi tháng ông xin trả cho ông T từ 300.000đồng đến 500.000đồng.

Tại phiên hòa giải ngày 30/6/2026 ông Trần Văn V trình bày: Trong giấy vay tiền có ghi *"trong phạm vi 5 tháng xẽ hoàn trả đầy đủ"*, nội dung này được người khác viết thêm vào giấy vay tiền, không phải viết tại thời điểm ông vay tiền ông T, thực tế ông vay tiền ông T không hẹn ngày trả nợ, không xác định thời hạn cụ thể. Tuy nhiên ông không đề nghị Tòa án trưng cầu giám định, nếu có đề nghị thì ông sẽ làm đơn đề nghị trưng cầu giám định sau. Cho đến trước thời điểm xét xử và tại phiên tòa, ông V không đề nghị Tòa án trưng cầu giám định.

Người làm chứng bà Trần Thị L trình bày: Bà là chị gái ruột của ông Trần Văn V. Năm 2017, ông V gặp khó khăn về kinh tế nên nhờ bà đưa đến gặp ông T để vay tiền. Do bà và ông T quen biết từ trước nên ông T đã đồng ý cho em trai bà là ông V vay số tiền 12.000.000đồng. Khi vay, ông T bảo ông V viết cho ông T mấy chữ. Ông V đã nhờ bà viết Giấy vay tiền ngày 05/6/2017 (âm lịch), ông V ký người vay, còn bà ký người làm chứng. Giấy vay tiền ngày 05/6/2017 (âm lịch) ông T cung cấp cho Tòa án hoàn toàn đúng bản gốc do bà tự tay viết tại thời điểm vay, không viết thêm nội dung gì sau khi hai bên ký giấy. Từ khi vay tiền đến nay, bà chỉ chứng kiến 2 lần ông V trả tiền lãi cho ông T, cụ thể bao nhiêu tiền thì bà không rõ. Việc ông V trình bày trong giấy vay tiền có ghi thêm nội dung *"trong phạm vi 5 tháng xẽ hoàn trả đầy đủ"* sau khi ký giấy vay tiền là không đúng sự thật, chữ ký "Trần Văn V" trong giấy vay tiền là do chính ông V ký.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 8 - Phú Thọ phát biểu ý kiến, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án, xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trương Đại T. Buộc ông Trần Văn V trả nợ cho ông Trương Đại T số tiền 12.000.000đồng. Về án phí, đề nghị buộc ông Trần Văn V phải chịu 600.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn là ông Trương Đại T khởi kiện đề nghị Tòa án buộc ông Trần Văn V thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo thỏa thuận cho vay đã ký kết giữa các bên thể hiện bằng giấy vay tiền ngày 05/6/2017 âm lịch, thời hạn trả nợ xác định là trong phạm vi 05 tháng kể từ ngày vay. Tính đến ngày 28/5/2026 là ngày ông T khởi kiện đã quá 03 năm kể từ ngày quyền và lợi ích hợp pháp của ông T bị xâm phạm. Tuy nhiên, cho đến trước thời điểm Tòa án cấp sơ thẩm ban hành bản án, các đương sự đều không đề nghị Tòa án áp dụng quy định của pháp luật về thời hiệu khi giải quyết vụ án, căn cứ Điều 184 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án dân sự về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*". Bị đơn có địa chỉ tại xã B, tỉnh Phú Thọ nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của

Tòa án nhân dân Khu vực 8 - Phú Thọ theo quy định tại khoản 3 Điều 26; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung yêu cầu khởi kiện:

Quá trình chuẩn bị xét xử, cả ông Trương Đại T và ông Trần Văn V đều thừa nhận giữa hai bên có ký kết giấy vay tiền ngày 05/6/2017 âm lịch, thể hiện số tiền ông T cho ông V vay là 12.000.000đồng. Sau khi hai bên làm giấy vay tiền, ông T đã đưa cho ông V số tiền 12.000.000đồng, ông V đã nhận đủ số tiền vay nêu trên.

Về thời hạn vay, ông T cho rằng thời hạn vay là 05 tháng kể từ ngày vay theo đúng nội dung ghi trong giấy vay tiền, còn ông V cho rằng nội dung về việc hoàn trả khoản vay trong phạm vi 05 tháng kể từ ngày vay là không đúng và cho rằng nội dung này được viết thêm vào giấy vay tiền, không phải viết tại thời điểm vay tiền, cho đến nay ông V cũng không đề nghị trưng cầu giám định đối với nội dung trên. Người làm chứng là bà Trần Thị L (chị gái ông V) là người viết hộ giấy vay tiền khẳng định toàn bộ nội dung trong giấy vay tiền được viết tại thời điểm vay, không viết thêm nội dung gì sau khi hai bên ký giấy vay tiền. Tuy nhiên, cả ông T và ông V đều thừa nhận sau khi ông T cho ông V vay tiền, nhiều lần ông T yêu cầu ông V trả tiền nhưng ông V chưa trả được do điều kiện kinh tế khó khăn, lần gần đây nhất ông V cũng được bà L nhắc nhở về việc trả nợ cho ông T là cách đây khoảng một năm. Như vậy, bên cho vay đã thực hiện quyền đòi lại tài sản và đã thông báo cho bên vay biết trước một thời gian hợp lý. Đến nay ông T chỉ yêu cầu ông V trả số tiền gốc đã vay là 12.000.000đồng, không yêu cầu trả lãi, các đương sự đều không đề nghị Tòa án áp dụng quy định về thời hiệu, vì vậy việc việc các bên không thống nhất về thời hạn trả nợ ghi trong giấy vay tiền không ảnh hưởng đến việc ông T yêu cầu ông V trả nợ số tiền gốc đã vay là 12.000.000đồng.

Về hình thức, thỏa thuận vay tiền này được lập thành văn bản, các bên đều có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, việc ký kết giấy vay tiền là hoàn toàn tự nguyện. Quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, các bên đều xác nhận ông V còn nợ ông T 12.000.000đồng và đồng ý trả cho ông T 12.000.000đồng. Vì vậy Hội đồng xét xử xác định thỏa thuận vay tiền được thể hiện bằng giấy vay tiền ký kết ngày 05/6/2017 âm lịch giữa các bên không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, phù hợp quy định tại Điều 117, Điều 119, Điều 385, Điều 398, Điều 401 của Bộ luật dân sự năm 2015. Hợp đồng vay tiền nêu trên được các bên giao kết hợp pháp và có hiệu lực. Quá trình thực hiện hợp đồng, bên vay đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ do lỗi thuộc về bên vay là ông V. Vì vậy yêu cầu khởi kiện của ông T về việc buộc ông V trả số tiền còn nợ 12.000.000đồng là có cơ sở chấp nhận.

Đối với tiền lãi của khoản vay: Quá trình giải quyết vụ án, các bên không thống nhất với nhau về số tiền lãi mà bên vay đã trả cho bên cho vay. Tuy nhiên các bên đều không có yêu cầu gì về số tiền lãi đã trả nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của ông T được chấp nhận nên ông V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 12.000.000đồng x 5% = 600.000đồng.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là phù hợp và có căn cứ nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 357, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trương Đại T.

Buộc ông Trần Văn V trả cho ông Trương Đại T số tiền 12.000.000đồng.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án thì bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất do các bên thỏa thuận nhưng không vượt quá lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự, nếu không thỏa thuận thì thực hiện theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí: Ông Trần Văn V phải chịu 600.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 8 và Điều 36 Luật Thi hành án dân sự năm 2025; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật thi hành án dân sự.

3. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND Khu vực 8 - Phú Thọ;
- THADS tỉnh Phú Thọ;
- Các đương sự;
- Lưu HS; VP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Lê Minh Hoàng